

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2020

**V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Vũ Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Ông Lê Ngọc Thơm.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Thân Thị Kiều M, sinh năm 1998 - HKTT: Khu phố 6, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: 154 Hùng Vương, Khu phố 5, thị trấn Gia Ray, huyện X.L, tỉnh Đồng Nai; Có mặt

* **Bị đơn:** Ông Lê Ngọc Q, sinh năm 1992 - Địa chỉ: Khu phố 6, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại Tòa của nguyên đơn bà Thân Thị Kiều M có nội dung như sau:**

Bà và ông Lê Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 26/6/2017.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sinh sống tại nhà cha mẹ ruột của ông Q ở khu phố 6, phường Bình Tân, thị xã L. Vợ chồng bà sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà không cùng quan điểm sống và kinh tế gia đình khó khăn, do ông Q không có công việc ổn định, nghiện game, cờ bạc nên thường bỏ nhà đi chơi sáng đêm. Những lần vợ chồng cãi nhau thì ông Q đánh đập bà và phá hoại tài sản trong gia đình, gây ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần của bà và con nên khoảng tháng 4/2020 bà đã dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay. Hiện vợ chồng bà mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông Q.

Về con chung: Vợ chồng bà có 01 người con chung tên Lê A. A, sinh ngày 19/12/2017 (giới tính nữ), hiện đang sống với bà. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, tuy nhiên, tại phiên tòa bà không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo lời trình bày tại phiên tòa của bị đơn ông Lê Ngọc Q có nội dung như sau:**

Ông Q thống nhất lời trình bày của bà M về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn và con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông Q thừa nhận những gì bà M trình bày là đúng nhưng ông cho rằng đó là mâu thuẫn nhỏ nhặt, hiện ông còn tình cảm với bà M nên không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Qua xác minh thì vợ chồng bà M, ông Q có mâu thuẫn như bà M trình bày.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và đương sự đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra qua phần tranh tụng tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của bà Thân Thị Kiều M là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà M được ly hôn ông Q; Về con chung: Giao người con tên Lê A. A, sinh ngày 19/12/2017 (giới tính nữ) cho bà M nuôi dưỡng; Bà M không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Bà M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, lời phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Xét yêu cầu ly hôn của bà Thân Thị Kiều M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ tại khu phố 6, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thân Thị Kiều M và ông Lê Ngọc Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 26/6/2017, vì vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, dù đã được Tòa án nhiều lần khuyên can nhưng bà My vẫn một mực kiên quyết yêu cầu ly hôn ông Q vì thực tế bà đã tìm nhiều cách hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả; Tại phiên tòa, mặc dù ông Q trình bày là không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà M và nếu bà chấp nhận vợ chồng đoàn tụ thì ông sẽ cùng với bà về Đồng Nai sinh sống nhưng bà M một lần nữa kiên quyết yêu cầu ly hôn vì hiện nay bà không còn tình cảm và tin tưởng ông Q nữa.

Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng giữa vợ chồng bà M, ông Q thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, nguyên nhân là do ông Q không có công việc ổn định, nghiện game, cờ bạc nên thường bỏ nhà đi chơi sáng đêm, không chăm lo cho vợ con. Như vậy, ông Lê Ngọc Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và qua xác minh thì có căn cứ về việc ông Q có hành vi bạo lực gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đó là căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Vợ chồng bà M, ông Q có 01 người con chung tên Lê A. A, sinh ngày 19/12/2017 (giới tính nữ), hiện đang sống với bà M. Khi ly hôn, bà My và ông Q đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy người con hiện đang dưới 36 tháng tuổi và hiện đang sống với bà M, do đó để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt của cháu A, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, việc học hành và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà M rút yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà M hiểu rằng việc yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con là quyền lợi của con nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Tuy nhiên, bà M trình bày rằng việc không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, bà M có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con nên Hội đồng xét xử không buộc ông Q phải cấp dưỡng nuôi con mà đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, Khoản 1 Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử: “Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn”

- 1. Về hôn nhân:** Bà Thân Thị Kiều M được ly hôn ông Lê Ngọc Q.
- 2. Về nuôi con chung:** Giao người con chung tên Lê A. A, sinh ngày 19/12/2017 (giới tính nữ) cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng,
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
- 3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.
- 4. Về án phí:** Bà Thân Thị Kiều M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001284 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, bà M đã nộp đủ án phí.
- 5. Về quyền kháng cáo:** Bà M, ông Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/9/2020).

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- UBND p. Bình Tân;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn